

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Đỗ Thu Hiền

**SỐ HÓA VÀ TỔ CHỨC KHAI THÁC, SỬ DỤNG
TÀI LIỆU SỐ HÓA TẠI CÁC LƯU TRỮ LỊCH SỬ
ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN NHÂN VĂN SỐ
Ở VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Lưu trữ học
Mã số: 62 32 03 01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGÀNH LƯU TRỮ HỌC

Hà Nội - 2022

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Số hóa và tổ chức khai thác, sử dụng (TCKTSD) tài liệu số hóa tại các Lưu trữ lịch sử đã trở thành xu thế tất yếu và đạt được những kết quả nhất định trong thực tiễn. Những kết quả này đã thể hiện nỗ lực của ngành lưu trữ trong công cuộc hiện đại hóa theo lộ trình chuyển đổi số của Việt Nam. Đồng thời, TCKTSD tài liệu lưu trữ điện tử (TLLTĐT) cũng là nhiệm vụ quan trọng nhằm phát huy giá trị tài liệu lưu trữ (TLLT), đáp ứng nhu cầu dùng tin vốn ngày càng dựa trên phươn *Số hóa và tổ chức khai thác, sử dụng tài liệu số hóa tại các Lưu trữ lịch sử đáp ứng yêu cầu phát triển Nhân văn số ở Việt Nam*”

g tiện điện tử và môi trường điện tử. Cùng mục tiêu này, Nhân văn số là một lĩnh vực ra đời nhằm hỗ trợ các ngành quản lý thông tin trong đó có ngành lưu trữ. Các công cụ của Nhân văn số giúp phát huy tối đa thông tin TLLTĐT, hỗ trợ người dùng tin trong việc thu thập, phân tích dữ liệu. TCKTSD TLLTĐT đáp ứng yêu cầu phát triển NVS là một hướng đi đúng đắn và tất yếu của ngành lưu trữ nói chung. Vì vậy chúng tôi đã lựa chọn đề tài luận án của mình là *“Số hóa và tổ chức khai thác, sử dụng tài liệu số hóa tại các Lưu trữ lịch sử đáp ứng yêu cầu phát triển Nhân văn số ở Việt Nam”*

Mục đích nghiên cứu của luận án:

Một là: Nâng cao nhận thức của các cơ quan quản lý, các LTLS, cán bộ lưu trữ về TCKTSD TLLT điện tử trong bối cảnh phát triển NVS;

Hai là: Góp phần phát huy giá trị TLLT thông qua TCKTSD TLLT điện tử dựa trên các ứng dụng của NVS.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ của luận án:

Luận án của chúng tôi hướng tới mục tiêu và các nhiệm vụ cụ thể sau đây:

2.1. Mục tiêu: Hoàn thiện, phát triển lý luận về TCKTSD TLLTĐT ở Việt Nam; Chứng minh mối quan hệ giữa NVS và nguồn thông tin TLLT; TCKTSD TLLTĐT; Nhận diện và đánh giá các điều kiện triển khai xây dựng các dự án NVS đã được thực hiện tại các LTLS ở Việt Nam hiện nay; Đề xuất các giải pháp TCKTSD TLLTĐT trong bối cảnh NVS.

2.2. Nhiệm vụ:

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về TCKTSD TLLTĐT và NVS
- Nghiên cứu làm sáng tỏ cơ sở lý luận và hoạt động thực tiễn về TCKTSD TLLTĐT ở Việt Nam
- Nghiên cứu các nhóm giải pháp về chuyên môn và tổ chức quản lý nhằm TCKTSD TLLTĐT trong bối cảnh NVS.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

3.1. Đối tượng: Đối tượng nghiên cứu được xác định là hoạt động số hóa, TCKTSD tài liệu số hóa tại các Lưu trữ lịch sử và các yêu cầu của việc phát triển Nhân văn số.

3.2. Phạm vi:

Phạm vi về nội dung:

+ Nghiên cứu hoạt động TCKTSD TLLTĐT trong bối cảnh NVS *dưới góc độ tổ chức, quản lý* không tập trung nghiên cứu về: kỹ thuật và công nghệ liên quan; một số khía cạnh chuyên sâu như vấn đề bản quyền, an ninh, phát triển dịch vụ lưu trữ... đối với TLLT khi được phục vụ khai thác, sử dụng trên mạng diện rộng; đối tượng TLLTĐT được sản sinh từ giai đoạn văn thư (born-digital) sẽ được thu thập vào LTLS trong tương lai.

+ Nghiên cứu hoạt động TCKTSD TLLTĐT trong bối cảnh NVS ở *cấp vĩ mô*, không tập trung nghiên cứu các giải pháp xây dựng dự án NVS khái quát hoặc cụ thể trong TCKTSD TLLTĐT.

+ Nghiên cứu đối tượng tài liệu là tài liệu số hóa tại các Lưu trữ lịch sử nhưng được sử dụng với thuật ngữ tài liệu lưu trữ điện tử. Bởi thuật ngữ này được sử dụng phổ biến tại các nghiên cứu cũng như các văn bản quy phạm pháp luật về lưu trữ ở Việt Nam

Phạm vi về không gian: Chúng tôi giới hạn phạm vi không gian là các LTLS Nhà nước từ Trung ương đến địa phương, bao gồm các Trung tâm Lưu trữ quốc gia và LTLS cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

Phạm vi về thời gian: Đề tài tập trung nghiên cứu, khảo sát TCKTSD TLLTĐT từ những năm 90 đến nay mặc dù hoạt động này diễn ra mạnh mẽ trong khoảng 10 năm trở lại đây. (Do việc tạo lập cơ sở dữ liệu TLLT, cụ thể là số hóa tài liệu là một trong những điều kiện triển khai TCKTSD TLLTĐT. TLLT được số hóa ở giai đoạn đầu tiên là những năm 90 hiện vẫn được cung cấp phục vụ khai thác, sử dụng)

4. Phương pháp nghiên cứu

- ***Phương pháp nghiên cứu:*** để thực hiện luận án, chúng tôi đã sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu:

+ ***Phương pháp luận:***

Luận án sử dụng phương pháp luận duy vật lịch sử và duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác Lênin.

+ ***Phương pháp cụ thể:***

- ***Phương pháp nghiên cứu tài liệu:*** Được sử dụng trong việc kế thừa kết quả nghiên cứu từ các nguồn sách, giáo trình, đề tài khoa học luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ, bài viết tạp chí, tham luận và nhiều nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung nghiên cứu;

- *Phương pháp phân loại và hệ thống hóa*: Được sử dụng để phân nhóm và sắp xếp các tài liệu khoa học theo từng vấn đề, nhóm vấn đề về TCKTSD TLLTĐT và NVS. Đặc biệt, chúng tôi sử dụng phương pháp hệ thống hóa để sắp xếp các nhóm giải pháp, các giải pháp cụ thể trong nhóm để đảm bảo tính hệ thống của nội dung nghiên cứu;

- *Phương pháp phân tích, tổng hợp*: Được sử dụng để nghiên cứu các tài liệu, lý thuyết khác nhau bằng cách phân tích thành từng bộ phận để tìm hiểu, làm rõ; Liên kết từng mặt, bộ phận thông tin đã được phân tích, tạo ra một hệ thống lý thuyết mới về TCKTSD TLLTĐT;

- *Phương pháp phỏng vấn*: Được sử dụng để phỏng vấn một số đối tượng thuộc lĩnh vực lưu trữ, công nghệ thông tin và NVS qua hình thức trực tiếp, email...;

- *Phương pháp xử lý thông tin, số liệu*: Được sử dụng để xử lý các kết quả nghiên cứu, lập bảng biểu các kết quả nghiên cứu;

- *Phương pháp so sánh*: Được sử dụng trong việc so sánh, đối chiếu một số nội dung được quy định trong các văn bản quản lý của Nhà nước về quản lý TLLTĐT;

- *Phương pháp chuyên gia*: Sử dụng phương pháp trong việc phỏng vấn một số chuyên gia ở các lĩnh vực lưu trữ, công nghệ thông tin và NVS trong và ngoài nước, trực tiếp hoặc qua email.

5. Tài liệu tham khảo

Luận án đã tiếp cận và sử dụng nguồn tài liệu tham khảo: sách, giáo trình lý luận và thực tiễn số hóa, TCKTSD TLLTĐT và NVS; các văn bản quy phạm pháp luật về số hóa, TCKTSD TLLTĐT; các báo cáo kết quả nghiên cứu của một số đề tài khoa học, nhiều bài viết liên quan đến đề tài được đăng trên các báo và tạp chí chuyên ngành.

6. Đóng góp của luận án

Về khoa học: Luận án góp phần bổ sung, xây dựng lý thuyết về TCKTSD TLLTĐT đáp ứng yêu cầu phát triển NVS ở Việt Nam.

Về thực tiễn: Luận án góp phần nâng cao nhận thức của đội ngũ lãnh đạo và cán bộ, công chức, viên chức ngành lưu trữ trong TCKTSD TLLTĐT. Trên cơ sở đánh giá thực trạng TCKTSD TLLTĐT tại các Lưu trữ lịch sử, Luận án đề xuất các giải pháp TCKTSD TLLTĐT đáp ứng yêu cầu NVS ở Việt Nam.

7. Bố cục của luận án

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận án được chia thành 05 chương
Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu

Chương 2: Cơ sở lý luận về TCKTSD TLLTĐT đáp ứng yêu cầu phát triển NVS

Chương 3: Thực trạng TCKTSD TLLTĐT tại các Lưu trữ lịch sử đáp ứng yêu cầu phát triển NVS ở Việt Nam

Chương 4: Giải pháp TCKTSD TLLTĐT tại các Lưu trữ lịch sử đáp ứng yêu cầu phát triển NVS ở Việt Nam

Mặc dù đã có nhiều nỗ lực và cố gắng nhưng luận án không tránh khỏi những thiếu sót, rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của quý Thầy Cô, các chuyên gia để luận án được hoàn thiện.

Tôi xin được gửi lời cảm ơn chân thành nhất tới PGS.TS. Nguyễn Hữu Hùng, TS. Nguyễn Liên Hương là giảng viên hướng dẫn, các thầy cô Khoa Lưu trữ học và Quản trị văn phòng đã động viên, giúp đỡ tôi trong quá trình thực hiện luận án.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Tác giả
Đỗ Thu Hiền

CHƯƠNG 1.

**TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VỀ TỔ CHỨC
KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI LIỆU LƯU TRỮ ĐIỆN TỬ ĐÁP
ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN NHÂN VĂN SỐ**

1.1.Nguồn tài liệu, tư liệu sử dụng trong tổng quan nghiên cứu

Trên cơ sở các nguồn tư liệu tài liệu được khảo cứu, chúng tôi thu được các kết quả sau:

1.1.1. Nguồn tư liệu nước ngoài

Stt	Nội dung		Loại hình	Số lượng	Thời gian
1	TCKTSD TLLTĐT	Tính năng khai thác, sử dụng TLLTĐT của Hệ thống quản lý TLLTĐT	Sách	2	2005, 2016, 2017
		Hợp tác với doanh nghiệp/tổ chức tư nhân trong TCKTSD TLLTĐT trực tuyến	Luận án	01	2015
		-Khái quát về TCKTSD TLLTĐT -Hệ thống thông tin lưu trữ mở (OAIS) -Mô hình TCKTSD trực tuyến -Vấn đề pháp lý trong TCKTSD	Bài viết Hội thảo, Tạp chí và bài luận Website	~ 50	2005, 2006, 2008, 2011, 2014, 2017
2		-Lý luận cơ bản về NVS -Tranh luận về NVS -Phương pháp nghiên cứu NVS -Phân tích dữ liệu -NVS và các ngành khoa học khác	Sách	32	2004, 2006, 2007, 2011-2016, 2020

	Nhân văn số	- Lịch sử hình thành và phát triển của NVS - Ý nghĩa của NVS - Công tác, chia sẻ giữa các học giả - Dự án NVS	Bài viết Hội thảo, Tạp chí và bài luận Website	~ 200	2016, 2018, 2019, 2020
3	TCKTSD TLLTĐT liên quan đến NVS	Mối quan hệ giữa công tác lưu trữ và NVS	Sách	01	2015
		- Triển vọng của lưu trữ trong bối cảnh NVS - Mối quan hệ giữa công tác lưu trữ và NVS - Dự án NVS	Bài viết Hội thảo, Tạp chí và bài luận Website	14	2011, 2014, 2018-2020

1.1.2. Nguồn tư liệu trong nước

Stt	Nội dung		Loại hình	Số lượng	Thời gian
1	TCKTSD TLLTĐT	- Công cụ tra cứu - Phòng đọc TLLT trực tuyến - Triển lãm TLLT trực tuyến	Luận văn	04	2014, 2015, 2018, 2019
		- Mục đích, ý nghĩa - Hình thức TCKTSD TLLĐT - Phần mềm TCKTSD - Điều kiện triển khai	Bài viết Hội thảo, Tạp chí và bài luận Website	36	2007, 2008, 2013, 2014, 2021
2	Nhân văn số	- Khái niệm, mục đích, ý nghĩa - Dự án NVS - Thư viện, di sản văn hóa, trung tâm tri thức số trong bối cảnh NVS	Bài viết Hội thảo, Tạp chí và bài luận Website	5	2019, 2020

3	TCKTSD TLLT số liên quan đến NVS	- Tích hợp dữ liệu - Khai thác TLLT trực tuyến - Khai thác dữ liệu phi cấu trúc - Mối quan hệ giữa lưu trữ, thư viện và NVS - Cộng tác đám đông - Dự án NVS	Bài viết Hội thảo, Tạp chí và bài luận Website	03	2017-2020, 2022
---	---	--	--	----	-----------------

Trên cơ sở khảo cứu các nguồn thông tin tư liệu, chúng tôi tổng hợp các thông tin về loại hình nghiên cứu, thời gian công bố, tác giả, góc độ tiếp cận, phương pháp nghiên cứu.

1.2. Những vấn đề đã được nghiên cứu

1.2.1 Những nghiên cứu về TCKTSD TLLT điện tử

1.2.1.1. Những nghiên cứu về khái niệm

- ***Tài liệu lưu trữ điện tử***

Ở nước ngoài, hầu hết các tác giả đều thống nhất cho rằng tài liệu điện tử là dạng tài liệu mà thông tin được thể hiện, tạo lập dưới định dạng điện tử và được thao bằng phương tiện điện tử. Tại Việt Nam, các nghiên cứu thể hiện sự đồng thuận của các tác giả về nội hàm khái niệm bao gồm cách thức ghi tin và gắn liền với phương tiện điện tử. Ngoài cách định nghĩa tài liệu điện tử nhấn mạnh vào cách thức ghi tin và phương tiện điện tử, các công trình nghiên cứu còn cho thấy khái niệm tài liệu điện tử được định nghĩa dựa trên hai dạng tài liệu gồm tài liệu được tạo ra ngay từ đầu đã là tài liệu số và tài liệu số hóa. Cũng có quan điểm loại trừ tài liệu số hóa trong nội hàm TLLTĐT.

- ***Tổ chức khai thác, sử dụng TLLTĐT***

Ở nước ngoài, một số các nghiên cứu đồng nhất quan điểm cho rằng, TCKTSD TLLTĐT thuộc trách nhiệm của kho lưu trữ đối

với cộng đồng người dùng, cho phép họ tìm kiếm, thu thập thông tin phục vụ các nhu cầu sử dụng. Còn tại Việt Nam, chưa có định nghĩa chính thức về TCKTSD TLLTĐT.

1.2.1.2. Những nghiên cứu về nguyên tắc TCKTSD TLLTĐT

Ở nước ngoài, nguyên tắc TCKTSD TLLTĐT nói chung đã được một số học giả nghiên cứu, đặt trong mối liên hệ với nguyên tắc quản lý TLLT truyền thống. Tại Việt Nam, các nguyên tắc TCKTSD TLLTĐT mới chỉ dừng lại ở mức độ nghiên cứu sơ khai.

1.2.1.3. Những nghiên cứu về hình thức TCKTSD TLLTĐT

Các hướng nghiên cứu đa phần tập trung vào các hình thức như tổ chức phòng đọc trực tuyến/phòng đọc ảo và tổ chức (chiếm số lượng lớn nhất) triển lãm trực tuyến/triển lãm ảo và chứng thực điện tử TLLT.

1.2.1.4. Những nghiên cứu về điều kiện triển khai TCKTSD TLLTĐT

TCKTSD TLLTĐT là một nghiệp vụ lưu trữ mang tính liên ngành và phức tạp do yếu tố công nghệ chi phối. Do đó, việc thực hiện trên thực tế đòi hỏi cần nghiên cứu về lý luận và sẵn sàng 1 hệ thống các điều kiện triển khai. Tuy nhiên, trong phạm vi khảo cứu của Luận án, chúng tôi nhận diện được 3 nội dung quan trọng đã nhận được sự quan tâm nghiên cứu của các học giả. Cụ thể là: Chính sách TCKTSD TLLTĐT, Xây dựng kho lưu trữ điện tử, Thiết lập hạ tầng công nghệ trong TCKTSD TLLTĐT

1.2.2. Những nghiên cứu về TCKTSD TLLTĐT trong mối liên hệ với NVS

1.2.2.1. Những nghiên cứu liên quan đến NVS

- *Khái niệm*: Các tác giả đồng thuận với nhau khi cùng nhận định rằng NVS là một lĩnh vực liên ngành gắn liền với khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ máy tính để hỗ trợ nghiên cứu KHXHNV

- *Đặc điểm của NVS*: Các đặc trưng của NVS được xác định bởi các học giả trong và ngoài nước đều hướng tới sự tham gia của yếu tố công nghệ; phát huy giá trị thông tin khoa học xã hội và nhân văn thông qua tiếp cận và chia sẻ thông tin; hỗ trợ nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn bằng công cụ phân tích định lượng.

1.2.2.2. Những nghiên cứu về TCKTSD TLLTĐT trong mối liên hệ với NVS

Xét góc độ lý luận, NVS là lĩnh vực liên quan đến việc ứng dụng công nghệ đối với các cơ quan quản lý tư liệu, tài liệu, vật thể như thư viện, lưu trữ, bảo tàng nhằm nâng cao hiệu quả tiếp cận thông tin đối với người dân, hướng đến xây dựng các dự án tri thức, trung tâm tri thức. NVS là lĩnh vực liên ngành giữa các ngành quản lý tài liệu, tư liệu; công nghệ thông tin; thông tin học... Đây cũng là lĩnh vực quan tâm tới việc chia sẻ thông tin giữa các cơ quan này và người nghiên cứu, dân chúng hoặc giữa những người nghiên cứu với nhau. Xuất phát từ các nội dung trên thuộc góc độ lý luận của NVS, đồng thời xét mối quan hệ giữa TCKTSD TLLTĐT và NVS, chúng tôi tìm kiếm và nhận diện được những nghiên cứu về TCKTSDTLLĐT có liên quan tới các nội dung của NVS. Cụ thể là: Những nghiên cứu về giá trị của TLLT đối với nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn; Những nghiên cứu tiếp cận TCKTSDTLLT dưới góc độ thông tin; Những nghiên cứu về TCKTSD TLLTĐT phục vụ xây dựng Chính phủ điện tử; Những nghiên cứu về TCKTSD TLLTĐT hướng tới chia sẻ tri thức số; Những nghiên cứu về cộng tác đám đông

1.3. Những khoảng trống cần tiếp tục nghiên cứu

1.3.1. Những khoảng trống về TCKTSD TLLTĐT và NVS cần tiếp tục nghiên cứu

Một là, nghiên cứu về các khái niệm cơ bản liên quan

Hai là, nghiên cứu về một số điều kiện triển khai TCKTSD TLLTĐT

Ba là, nghiên cứu về các khía cạnh liên quan như vấn đề bản quyền của TLLTĐT khi được khai thác, sử dụng trên môi trường mạng Internet, quản trị rủi ro trong TCKTSD TLLTĐT, dịch vụ lưu trữ...

1.3.2. Những khoảng trống về TCKTSD TLLTĐT và NVS cần giải quyết trong Luận án

Một là, nghiên cứu làm rõ khái niệm liên quan

Hai là, làm rõ vai trò của TLLT với việc xây dựng các dự án NVS

Ba là, chứng minh mối quan hệ giữa TCKTSD TLLTĐT với NVS

Bốn là, khảo sát thực tiễn TCKTSD TLLTĐT

Năm là, nhận diện những khía cạnh của TCKTSD TLLTĐT đã đáp ứng yêu cầu đặt ra của việc xây dựng các dự án NVS

Sáu là, đề xuất các giải pháp TCKTSD TLLTĐT phù hợp bối cảnh phát triển NVS

Tiểu kết chương 1

Tổng quan tình hình nghiên cứu đóng vai trò rất lớn đối với việc thực hiện đề tài Luận án của chúng tôi. Trong phạm vi khảo cứu nguồn tư liệu, tài liệu tiếp cận được, Chương 1 đã giải quyết được những vấn đề gồm: Thống kê các nguồn tư liệu, tài liệu đã thu thập; Hệ thống hóa và tổng hợp cơ sở lý luận về TCKTSD TLLTĐT và NVS; tổng hợp các kết quả nghiên cứu về TCKTSD TLLTĐT hướng tới một số nội dung của NVS; Chỉ ra những khoảng trống trong nghiên cứu cần được thực hiện, giải quyết tại Luận án.

CHƯƠNG 2.

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TỔ CHỨC KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI LIỆU LƯU TRỮ ĐIỆN TỬ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN NHÂN VĂN SỐ

2.1. Khái quát chung về TCKTSD TLLT điện tử

2.1.1. Một số khái niệm liên quan

- *Tài liệu lưu trữ điện tử*: Trong khuôn khổ Luận án, trên cơ sở kế thừa các định nghĩa TLLT, TLLTĐT đã đề cập ở trên và những điểm khu biệt của TLLTĐT về mặt nội dung và công nghệ, chúng tôi đề xuất khái niệm TLLTĐT như sau: *TLLTĐT là tài liệu điện tử có giá trị phục vụ hoạt động thực tiễn, nghiên cứu khoa học, lịch sử.*

- *TCKTSD TLLTĐT*: Chúng tôi đề xuất và sử dụng định nghĩa sau trong khuôn khổ Luận án: *TCKTSD TLLTĐT là hoạt động cung cấp TLLTĐT phục vụ các mục đích khác nhau của đời sống xã hội, đáp ứng nhu cầu sử dụng của cá nhân, cơ quan, tổ chức thông qua sự hỗ trợ của các phương tiện điện tử và môi trường điện tử.*

2.1.2. Mục đích TCKTSD TLLTĐT

- *Mục đích TCKTSD TLLTĐT*

TCKTSD TLLTĐT nhằm mục đích cung cấp TLLT phục vụ cho các nhu cầu xã hội, phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, các nhà nghiên cứu và nhu cầu chính đáng của dân chúng và người nghiên cứu. TCKTSD TLLTĐT nhằm **đưa thông tin dạng quá khứ** được bảo quản trong các kho lưu trữ thành những **thông tin giá trị** phục vụ các mục đích khác nhau của người dùng tin.

- *Ý nghĩa TCKTSD TLLTĐT*

Nếu các cơ quan lưu trữ thực hiện tốt nghiệp vụ TCKTSD TLLTĐT sẽ có tác dụng thiết thực đối với Đảng, Nhà nước và xã hội,

đối với TLLT, ngành lưu trữ và các cơ quan lưu trữ. Trên cơ sở ý nghĩa nội dung TLLT, khi tồn tại dưới định dạng điện tử, được sự hỗ trợ của yếu tố công nghệ, TLLTĐT được TCKTSDhiệu quả sẽ càng phát huy tối đa ý nghĩa đối với Đảng, Nhà nước và xã hội, ngành lưu trữ và các cơ quan lưu trữ.

2.1.3. Nguyên tắc TCKTSD TLLTĐT

TCKTSD TLLTĐT cần phải đảm bảo những nguyên tắc của TCKTSDTLLT truyền thống. Những nguyên tắc này bao gồm: Bảo vệ lợi ích và bí mật quốc gia, cũng như là lợi ích dân tộc và lợi ích của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; Thông tin TLLT được cung cấp nhằm phục vụ nhiều mục đích chính đáng của công dân; Bảo vệ an toàn TLLT (về vật mang tin và thông tin tài liệu). Trên cơ sở những nguyên tắc của TLLT truyền thống này, TLLT dưới dạng điện tử được TCKTSDtheo các nguyên tắc sau:

Thứ nhất, TCKTSD TLLTĐT phải đảm bảo tài liệu luôn sẵn sàng có thể truy cập được cả về nội dung tài liệu cũng như siêu dữ liệu của tài liệu

Thứ hai, TLLTĐT được cung cấp cho người sử dụng phải đảm bảo tính nguyên vẹn, xác thực của tài liệu

Thứ ba, đối với những tài liệu đã được số hóa chỉ phục vụ đọc giả bản số hóa, không sử dụng bản chính, bản gốc

Thứ tư, phương tiện lưu trữ TLLTĐT thuộc Danh mục tài liệu hạn chế sử dụng không được kết nối và sử dụng trên mạng diện rộng

2.1.4. Hình thức TCKTSD TLLTĐT

TCKTSDTLLĐT được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau như: TCKTSDTLLĐT tại phòng đọc truyền thống, Tổ chức sử dụng TLLTĐT tại phòng đọc trực tuyến, triển lãm TLLTĐT trực tuyến, chứng thực TLLTĐT. Ngoài các hình thức cơ bản này, với tư cách là

một trong các dạng TLLT được quản lý và tổ chức khai thác, sử dụng, TLLTĐT cũng được vận dụng một số hình thức tiếp cận như: *Xuất bản ấn phẩm điện tử; Cung cấp TLLTĐT qua các phương tiện truyền tin; Giới thiệu TLLTĐT trên phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử.*

2.2. NVS và mối quan hệ giữa TCKTSD TLLTĐT và NVS

2.2.1. Khái quát chung

2.2.1.1. Các khái niệm liên quan

❖ Khái niệm NVS

Chúng tôi tiếp cận khái niệm NVS dựa trên các khái niệm “khoa học nhân văn” và một số khái niệm thuộc công nghệ số như “phân tích dữ liệu”, “trực quan hóa dữ liệu”. ***NVS là lĩnh vực nghiên cứu và ứng dụng liên ngành giữa công nghệ số và nhóm ngành khoa học nhân văn, cho phép tiếp cận, chia sẻ thông tin số và hỗ trợ việc nghiên cứu thông qua các tính năng của công cụ NVS.*** Cần xác định rằng, ở mức độ ứng dụng cơ bản của công nghệ thông tin, NVS thể hiện giống như việc xây dựng phòng đọc tư liệu, tài liệu số trực tuyến hoặc triển lãm tư liệu, tài liệu, vật thể trực tuyến... Người sử dụng có thể là người nghiên cứu cần thu thập và xử lý một khối lượng lớn tư liệu, tài liệu hoặc có thể là các cá nhân có nhu cầu phục vụ mục đích riêng (tham quan triển lãm trực tuyến, tra cứu tư liệu, tài liệu phục vụ hoạt động quản lý...). Ở mức độ ứng dụng công nghệ cao hơn, chính là phân tích dữ liệu và trực quan hóa kết quả tìm kiếm dữ liệu, NVS có khả năng hỗ trợ người người sử dụng, đặc biệt là những nhà nghiên cứu cần thu thập và xử lý khối lượng lớn tư liệu, tài liệu. Khả năng hỗ trợ nghiên cứu qua các công cụ phân tích dữ liệu và trực quan hóa dữ liệu của NVS thể hiện tính cách mạng của NVS trong nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn nói chung.

❖ Khái niệm Dự án NVS

Xuất phát từ khái niệm NVS và Dự án nhân văn, trên cơ sở kế thừa và phân tích định nghĩa Dự án NVS của Tổ chức NVS của Anh, chúng tôi đề xuất xây dựng khái niệm Dự án NVS được sử dụng trong phạm vi Luận án là *dự án NVS TLLT, trong đó sử dụng kỹ thuật số và kỹ thuật tính toán để cung cấp, chia sẻ, xử lý thông tin của một khối lượng lớn các nguồn TLLT điện tử nhằm hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.*

2.2.1.2. Mục đích, ý nghĩa của NVS trong nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn

Thứ nhất, cung cấp thông tin số phục vụ nghiên cứu

Thứ hai, hỗ trợ nghiên cứu thông qua phân tích dữ liệu

Thứ ba, hình thành các nhóm/cộng đồng nghiên cứu, chia sẻ kết quả nghiên cứu, chia sẻ tư liệu và tài liệu

2.2.1.3. Các yếu tố cấu thành NVS

NVS là một lĩnh vực liên ngành giao thoa giữa công nghệ thông tin, công nghệ số và khoa học xã hội và nhân văn, thậm chí là cả lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Do đó, NVS được cấu thành bởi nhiều yếu tố thành phần mang tính phức tạp. Các thành phần thuộc NVS bao gồm: Bộ sưu tập số, Dữ liệu liên kết, Học thuật số, Bản quyền, Cộng đồng kết nối, Truy cập mở, Siêu dữ liệu. Các thành phần trên đây được nghiên cứu dưới góc độ của ngành thông tin – thư viện, ngành khoa học gắn liền với NVS về lý luận và thực tiễn. Trên thực tế, rất nhiều các dự án NVS được xây dựng dựa trên nguồn tài nguyên thông tin do thư viện quản lý. Tuy nhiên, trong giới hạn phạm vi dự án NVS TLLT như đã làm rõ ở phần trên, một số yếu tố cấu thành sẽ có sự khác biệt. Chẳng hạn: Các bộ sưu tập số ở đây là nguồn thông tin TLLTĐT được bảo quản trong các kho lưu trữ;

Truy cập mở không hoàn toàn là truy cập các dữ liệu được cung cấp miễn phí trên mạng Internet bởi mức độ quý hiếm và giá trị thông tin của TLLT sẽ quyết định việc thu phí (mức giá khác nhau) hay miễn phí...

2.2.1.4. Quy trình xây dựng Dự án NVS

Bước 1: Xác định quy mô/loại dự án: Xác định quy mô/loại dự án đồng nghĩa với việc khảo sát nguồn tư liệu, tài liệu, vật thể; xác định mục tiêu của dự án; lập kế hoạch các giai đoạn thực hiện.

Bước 2: Thiết lập dữ liệu số: Nguồn thông tin này có thể tồn tại dưới dạng số (born-digital) hoặc được số hóa từ dạng truyền thống. Công nghệ số hóa làm nền tảng cơ sở để cấu trúc nên tài nguyên NVS, bao gồm kỹ thuật scan, kỹ thuật nhận biết chữ viết OCR, kỹ thuật đa phương tiện.

Bước 3: Triển khai các biện pháp cho phép người dùng truy cập: Các biện pháp cho phép người dùng truy cập bao gồm sử dụng hoặc thiết kế các công cụ hoặc nền tảng số để giải quyết các vấn đề liên quan tiếp cận tư liệu, tài liệu, vật thể. Trong bước này, các công cụ tra cứu, website phục vụ người sử dụng tiếp cận thông tin được nghiên cứu xây dựng.

Bước 4: Phân tích dữ liệu

Công nghệ phân tích dữ liệu như phân tích văn bản; công nghệ hiển thị dữ liệu như công nghệ hình ảnh hóa, công nghệ tương tác giữa con người và máy tính. Công cụ khai thác phân tích dữ liệu lưu trữ trên cơ sở OpenRefine, Gephi, nền tảng trực quan hóa dữ liệu lưu trữ trên cơ sở công nghệ CiteSpace và VR (Virtual Reality).

Bước 5: Trực quan hóa kết quả tìm kiếm dữ liệu

Nếu như phân tích dữ liệu truy xuất cho người sử dụng về mối liên hệ nội tại của dữ liệu tài liệu thì trực quan hóa đóng vai trò hiển

thị kết quả phân tích dưới dạng hình ảnh về mối liên hệ đó. Hình ảnh hóa là chủ phương pháp hiển thị dữ liệu bằng cách tích hợp và trích xuất, có thể được chia thành hình ảnh hóa thống kê, hình ảnh hóa văn bản, hình ảnh hóa địa lý.

2.2.2. Mối quan hệ giữa TCKTSD TLLTĐT và NVS

2.2.2.1. Giá trị của TLLTĐT đối với NVS

Vai trò lớn nhất của TLLTĐT được thể hiện với tư cách là nguyên liệu phục vụ các dự án NVS. Xác định TLLTĐT là đối tượng nghiên cứu và thực hành như vậy, NVS đưa nhiệm vụ thiết lập dữ liệu số trở thành một trong những bước đầu tiên có vị trí then chốt trong quy trình xây dựng dự án NVS. Nguồn thông tin dạng số này là tiền đề để thực hiện các bước tiếp theo như xây dựng các công cụ cho phép truy cập, phân tích dữ liệu, trực quan hóa dữ liệu. Hơn nữa, suy cho cùng, TLLT cùng với NVS, đều hướng tới mục tiêu cao nhất là phục vụ nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.

2.2.2.2. Vai trò của TCKTSD TLLTĐT đối với NVS

- TCKTSD TLLTĐT cung cấp các TLLT thông qua việc làm cho tài liệu có thể tìm kiếm được. TCKTSD TLLTĐT được biết đến là một nghiệp vụ cuối cùng trong chuỗi các nghiệp vụ của công tác lưu trữ, đóng vai trò phục vụ tiếp cận tài liệu thông qua các biện pháp cụ thể.

- TCKTSD TLLTĐT kết hợp với các dự án NVS để tăng khả năng tiếp cận thông tin, tăng hiệu quả xử lý thông tin. Kết hợp với các kho tài liệu và tư liệu như lưu trữ và thư viện, NVS tạo nên các dự án nhằm phát huy giá trị của các nguồn thông tin này.

2.2.2.3. Ý nghĩa của NVS đối với TCKTSD TLLTĐT

Thứ nhất: Làm thay đổi tư duy, phương thức

Thứ hai: Trở thành một loại hình dịch vụ cung cấp thông tin đa lĩnh vực, kết hợp đa chiều cho độc giả

Thứ ba: Hiện đại hóa TCKTSDTLLT thông qua áp dụng các công cụ khai thác

Thứ tư: Thúc đẩy ưu việt hóa nhân lực

Thứ năm: Thúc đẩy sự phát triển của TCKTSDTLLT nhằm đẩy mạnh chức năng văn hóa, nghiên cứu của kho lưu trữ

Tiểu kết chương 2

Trong chương này, TCKTSD TLLTĐT được trình bày với hệ thống các khái niệm liên quan, mục đích, ý nghĩa, nguyên tắc và các hình thức TCKTSD TLLTĐT. Tại nội dung này, TCKTSD một loại hình TLLT mới - TLLTĐT (có đặc điểm ghi tin khác biệt đồng thời sử dụng phương tiện điện tử và môi trường điện tử) sẽ bị chi phối bởi yếu tố công nghệ. Tuy nhiên, lý luận về TCKTSD loại hình tài liệu mới này vẫn phải xuất phát từ TCKTSD TLLTĐT đặc biệt là nguyên tắc tổ chức khai thác, sử dụng.

CHƯƠNG 3.

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI LIỆU LƯU TRỮ ĐIỆN TỬ TẠI CÁC LƯU TRỮ LỊCH SỬ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN NHÂN VĂN SỐ Ở VIỆT NAM

3.1. Khái quát về các LTLS

LTLS là cơ quan thực hiện hoạt động lưu trữ đối với TLLT có giá trị bảo quản vĩnh viễn được tiếp nhận từ Lưu trữ cơ quan và từ các nguồn khác. Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư số 15/2014/TT-BNV ngày 31 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trong đó quy định thành lập Trung tâm LTLS trực thuộc Chi cục Văn thư - Lưu trữ ở cấp tỉnh, thành phố. Như vậy, mạng lưới LTLS của Việt Nam thống nhất từ trung ương đến cấp tỉnh. Ở trung ương là các Trung tâm Lưu trữ quốc gia và ở cấp tỉnh, LTLS có tên gọi thống nhất là Trung tâm LTLS với chức năng chính là hoạt động sự nghiệp lưu trữ còn chức năng quản lý văn thư, lưu trữ thuộc Chi cục Văn thư - Lưu trữ của tỉnh.

3.2. Hoạt động TCKTSD TLLT điện tử tại các LTLS

3.2.1. Cở sở pháp lý

Nhìn chung, các quy định về TCKTSD TLLTĐT ở hai phương diện quản lý lưu trữ và quản lý công nghệ thông tin đã tạo cơ sở pháp lý để triển khai nghiệp vụ này đối với một loại hình tài liệu mới. Tuy nhiên, việc cung cấp TLLTĐT nhằm phát huy giá trị TLLT trong bối cảnh hiện nay cần một hành lang pháp lý với những quy định chi tiết, hướng dẫn cụ thể để hoạt động này được triển khai đồng bộ, giảm thiểu rủi ro nhất có thể.

3.2.2. Thực trạng nhận thức về TCKTSD TLLTĐT

Về quan điểm, các vị trí lãnh đạo các cơ quan quản lý nhà nước về công tác lưu trữ cho rằng hoạt động lưu trữ nói chung và việc quản lý, sử dụng TLLT nói riêng đang đứng trước yêu cầu cấp thiết phải chuyển biến, thay đổi cơ bản về cách thức thực hiện, để đáp ứng nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin. Các chuyên gia đều thống nhất quan điểm cần phải mở các dịch vụ trực tuyến về tra cứu, tìm kiếm, sao chép, biên dịch thông tin dữ liệu. Thay vì đến các trung tâm lưu trữ tìm kiếm dữ liệu, thì thông qua công nghệ, người dân từ mọi miền đất nước có thể dễ dàng tiếp cận thông tin.

3.2.3. Thực trạng năng lực TCKTSD TLLTĐT

3.2.3.1. Nguồn lực thông tin TLLTĐT

❖ Kết quả số hóa TLLT: Hầu hết các Trung tâm Lưu trữ quốc gia (3/4) đã triển khai thực hiện số hóa TLLT với quy mô lớn khi tạo lập phiên bản TLLTĐT dưới dạng số hóa với số lượng rất lớn. Mặc dù số lượng TLLT số hóa còn khiêm tốn so với khoảng thời gian triển khai thực hiện nhưng thực tế này có thể lý giải. Đa phần các LTLS đã tiến hành số hóa được trung bình 30-40% trong số tổng TLLT đang bảo quản. Bên cạnh đó, các LTLS cấp tỉnh đã và chưa thực hiện số hóa TLLT cũng xây dựng đề án, dự án triển khai số hóa TLLT (đề án, dự án đầu tiên hoặc tiếp theo).

❖ Chất lượng số hóa TLLT: Chất lượng số hóa TLLT được đánh giá thông qua độ phân giải, tỉ lệ quét, định dạng và màu sắc.

3.2.3.2. Tổ chức bộ phận phụ trách

Trước hết, bộ phận phụ trách TCKTSD TLLTĐT được xác định chính là bộ phận phụ trách TCKTSDTLLT truyền thống đã được thành lập trước đây. Tại các LTLS đang triển khai TCKTSD TLLTĐT dạng số hóa tại máy tính của phòng đọc, thì bộ phận quản lý cơ sở dữ

liệu TLLT (có thể là phòng tin học, phòng công nghệ thông tin của LTLS) sẽ phối hợp để chuyển dữ liệu từ bộ phận này tới máy tính của phòng đọc, phục vụ độc giả sử dụng. Về khía cạnh bộ phận quản lý cơ sở dữ liệu, dữ liệu tài liệu điện tử, TLLT điện tử tại các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương cũng chưa được thực hiện thống nhất.

3.2.3.3. Nhân lực

- *Nguồn nhân lực lưu trữ:* Biên chế, cán bộ làm lưu trữ từng bước được tăng cường; công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ được chú trọng; trình độ chuyên môn của cán bộ lưu trữ được nâng lên, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của công tác lưu trữ nói chung và TCKTSDTLLT nói riêng. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ nghiệp vụ cho công chức, viên chức làm công tác lưu trữ được các bộ, ngành và địa phương quan tâm.

- *Nguồn nhân lực công nghệ thông tin:* Đa phần tại các LTLS, nhân lực về công nghệ thông tin chưa đáp ứng được hoàn toàn nhiệm vụ liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác lưu trữ nói chung và TCKTSD TLLTĐT nói riêng. Đội ngũ nhân lực này tại các LTLS cấp Trung ương cũng chưa tương đồng về số lượng và chất lượng.

3.2.3.4. Công nghệ và cơ sở vật chất

- *Về công nghệ liên quan đến tạo lập cơ sở dữ liệu TLLT:* Các LTLS chưa được trang bị máy quét khổ lớn, đối với tài liệu có kích cỡ vượt quá khổ A3, khi quét phải chia tài liệu thành từng phần theo khổ A3. Trang thiết bị mang yếu tố công nghệ phục vụ công tác số hóa còn thiếu, thường xuyên bị lỗi.

- *Về quản lý và TCKTSD cơ sở dữ liệu TLLT:* Các phần mềm được sử dụng tại các LTLS hiện chưa thống nhất, mang tính tự phát và còn nhiều hạn chế.

- Về cơ sở vật chất: đảm bảo về cơ bản nhưng chưa đồng đều giữa các LTLS

3.2.3.5. Nguồn kinh phí thực hiện

Thực hiện quy định của Luật Lưu trữ, thời gian qua nhà nước đã đầu tư kinh phí khá lớn cho công tác lưu trữ tài liệu. Cơ sở vật chất và kinh phí cho các hoạt động lưu trữ đã được các cấp, các ngành quan tâm, đầu tư đáng kể, tập trung vào các công việc trọng tâm. Tuy nhiên, tại nhiều LTLS cấp tỉnh, kinh phí vẫn là vấn đề không phải là ưu điểm trong số các điều kiện triển khai số hóa và quản lý TLLT sau số hóa.

3.2.4. Kết quả đạt được

Với những nền tảng từ các quy định pháp luật, năng lực tổ chức gồm nguồn lực thông tin TLLTĐT, nhân lực, công nghệ, cơ sở vật chất, kinh phí đầu tư như trên, tổ chức khai thác, sử dụng TLLTĐT đã được triển khai với các kết quả về *phục vụ khai thác, sử dụng TLLTĐT và các hình thức TCKTSD TLLTĐT*.

3.3. Nhận xét

3.3.1. Về cơ sở pháp lý

Về cơ bản, những quy định về TCKTSD TLLTĐT hiện nay đã cho thấy những ưu điểm bởi đã giải quyết được các vấn đề như: Đề cập định dạng, chuẩn thông tin đầu vào đối với TLLTĐT; Đề cập tới các hình thức sử dụng TLLTĐT trực tuyến mặc dù mới chỉ dừng lại ở việc gợi mở, khuyến khích. Bên cạnh những ưu điểm trên, hệ thống các quy định về TCKTSD TLLTĐT vẫn tồn tại một số hạn chế nhất định. Cụ thể là hệ thống các quy định mới chỉ dừng ở mức độ khái quát và các bước nghiệp vụ khá cơ bản, chưa có những quy định chi tiết

3.3.2. Về nhận thức

Thứ nhất, đa phần các đối tượng cho rằng TCKTSD TLLTĐT (trực tuyến hoặc ngoại tuyến) thuận lợi cho người sử dụng, giảm nguy cơ xuống cấp đối với tài liệu giấy và phát huy được giá trị TLLT. Thứ hai, hầu hết trong số đó cho rằng cần thiết kết hợp cơ sở dữ liệu giữa các đơn vị, cơ quan quản lý tài liệu, thậm chí giữa các quốc gia. Thứ ba, tồn tại những lo ngại về rủi ro khi TCKTSD TLLTĐT trực tuyến nhưng vẫn xác định đây vẫn là hình thức mang tính cách mạng trong việc phát huy giá trị TLLT nếu đảm bảo các điều kiện triển khai và vận hành.

3.3.3 Về năng lực tổ chức

- Thứ nhất: Về nguồn lực thông tin TLLTĐT

Về cơ bản, các LTLS đã nỗ lực trong việc số hóa TLLT và đạt được những kết quả nhất định. Việc số hóa TLLT ở LTLS nhằm phục vụ khai thác sử dụng nhanh chóng hiệu quả tuy nhiên còn mang tính đại trà, tự phát. Tại nhiều LTLS, *số hóa TLLT còn tồn tại những hạn chế sau*: Số hóa tài liệu chưa thực hiện đầy đủ các bước theo quy trình tạo lập cơ sở dữ liệu TLLT; Chưa lựa chọn TLLT theo các tiêu chí khi số hóa; Số hóa TLLT chưa chính lý hoàn chỉnh

Về cơ sở dữ liệu TLLT sau khi được số hóa: Độ phân giải của tài liệu số hóa đã ở mức có thể sử dụng được. Tuy nhiên, đối với các Lưu trữ quốc gia, độ phân giải vẫn chưa phải là mức lý tưởng so với một số Lưu trữ quốc gia của các quốc gia phát triển.; Chưa có sự liên kết, tích hợp cơ sở dữ liệu TLLT giữa các LTLS trong hệ thống các cơ quan lưu trữ. Còn tồn tại khối lượng lớn TLLT được số hóa mà chưa áp dụng các tiêu chuẩn dữ liệu thông tin đầu vào theo quy định tại Thông tư 02/2019/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

Thứ hai: Về nhân lực

Nhân lực thực hiện công tác lưu trữ nói chung và TCKTSDTLLT nói riêng đã được nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng yêu cầu của công việc về cơ bản. Tuy nhiên, hạn chế trong vấn đề nhân lực được thể hiện qua các khía cạnh sau: viên chức có trình độ nghiệp vụ về lưu trữ thường yếu kém về trình độ kỹ thuật, công nghệ và ngược lại; tư duy về nguyên tắc, yêu cầu về TCKTSD TLLTĐT của cán bộ còn hạn chế; chưa có khả năng tham mưu tốt Cán bộ lưu trữ vẫn chưa xác định được trách nhiệm của bản thân trong triển khai lưu trữ điện tử cũng như TCKTSD TLLTĐT; khả năng tư vấn của cán bộ lưu trữ khi phục vụ khai thác, sử dụng vẫn chưa được thực hiện tốt.

Thứ ba: Về công nghệ và hạ tầng kỹ thuật

Ở góc độ quản lý, có thể nhận thấy, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào lưu trữ chưa được chỉ đạo, triển khai một cách quyết liệt, thống nhất, đồng bộ, chưa khai thác hết tiềm năng, thế mạnh của khoa học kỹ thuật, đặc biệt là công nghệ thông tin để ứng dụng vào công tác văn thư, lưu trữ. Tính đồng bộ cũng như sự thống nhất về công nghệ là hạn chế lớn nhất tại thời điểm này.

Đối với khâu tạo lập, quản lý cơ sở dữ liệu TLLT (số hóa), các thiết bị được sử dụng chưa tạo thuận tiện cho việc quét tài liệu với số lượng lớn, vật mang tin của tài liệu xuống cấp, vật mang tin của tài liệu với kích cỡ lớn. Ở một số LTLS, TLLT chỉ được số hóa mà chưa sử dụng phần mềm để quản lý nên chưa thể tiến hành triển khai TCKTSDTLLT bản số.

3.3.4. Nhận xét thực trạng TCKTSD TLLTĐT tại các LTLS dưới góc độ của NVS

Xét từ yêu cầu của việc triển khai NVS và từ quan điểm NVS là mức độ phát triển cao hơn của TCKTSDTLLT, chúng tôi nhận diện một số những hạn chế chưa tạo thuận lợi, bao gồm: Kết quả đạt được

về khối lượng cơ sở dữ liệu TLLT đã được tạo lập đã tạo thuận lợi để hình thành “nguyên liệu” cho các dự án NVS; Chưa sử dụng công nghệ nhận dạng ký tự quang học OCR (Optical Character Recognition) đối với TLLT đã số hóa; Độ phân giải của ảnh quét tài liệu chỉ ở mức trung bình khá (200 dpi) và thậm chí là quá thấp (100 -150 dpi); Tích hợp cơ sở dữ liệu TLLT giữa các LTLS chưa được thực hiện.

Tiểu kết Chương 3

TCKTSD TLLTĐT tại các LTLS đã đạt được những kết quả bước đầu trong lộ trình “chuyển mình” cùng sự phát triển của công nghệ, kỹ thuật số. Những kết quả này được thể hiện trong hệ thống hành lang pháp lý, nhận thức, cơ sở dữ liệu TLLT và năng lực TCKTSD TLLTĐT của các LTLS. Dựa trên các kết quả khảo sát, chúng tôi kết luận sơ bộ về ưu điểm, hạn chế của thực tế triển khai hoạt động TCKTSD TLLTĐT theo các nhóm nội dung trên. Đồng thời, một số yếu tố thuộc thực trạng TCKTSDTLLĐT hiện nay đã được nhận diện có liên quan tới NVS. Trên cơ sở nhận diện các yếu tố này, chúng tôi đã phân tích và đưa ra đánh giá về sự đáp ứng của các yếu tố này đối với yêu cầu thực hiện các dự án NVS.

CHƯƠNG 4.

GIẢI PHÁP TỔ CHỨC KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI LIỆU LƯU TRỮ ĐIỆN TỬ TẠI CÁC LƯU TRỮ LỊCH SỬ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN NHÂN VĂN SỐ Ở VIỆT NAM

4.1. Bối cảnh và định hướng

4.1.1 Bối cảnh

TCKTSD TLLTĐT được đặt trong bối cảnh bao gồm lộ trình phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025; Sự thay đổi phương thức tiếp cận thông tin của con người; Sự phát triển của công nghệ thông tin, công nghệ số và quá trình chuyển đổi số tại Việt Nam.

4.1.2. Định hướng

❖ **Về chủ trương:** Chủ trương liên quan tới TCKTSD TLLTĐT đã được xác định rõ: Quản lý thống nhất, bảo quản an toàn và tổ chức sử dụng có hiệu quả TLLT điện tử hình thành trong quá trình hoạt động của các cơ quan nhà nước; Nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong việc tiếp cận và sử dụng TLLT của các cơ quan nhà nước. Bên cạnh đó, gần đây nhất là chủ trương tăng cường đổi mới phương thức công bố TLLT theo hướng phù hợp xu hướng phát triển của công nghệ thông tin, tích hợp, chia sẻ các dữ liệu công bố TLLT quốc gia, góp phần xóa bỏ rào cản về thời gian, không gian địa lý để công có thể tiếp cận với thông tin TLLT nhanh chóng.

❖ **Về chỉ tiêu:** TCKTSD TLLTĐT đã được đặt các chỉ tiêu cần đạt được trong giai đoạn 2020-2025 theo Đề án “Lưu trữ tài liệu điện tử của các cơ quan nhà nước”. Các chỉ tiêu này liên quan tới số hóa TLLT, hình thành cơ sở dữ liệu TLLT, tích hợp cơ sở dữ liệu TLLT và phục vụ khai thác qua mạng.

4.2. Phương án xây dựng NVS trong TCKTSDTLLT điện tử

Nhận diện TCKTSD TLLTĐT ở mức độ phát triển cao nhất ở thời điểm hiện tại chính là xây dựng các dự án NVS TLLT, chúng tôi đề xuất các phương án cụ thể.

- Phương án 1: Xây dựng các dự án ứng dụng 3D, thực tế ảo
- Phương án 2: Xây dựng các dự án phòng đọc trực tuyến đơn thuần trên nền tảng cơ sở dữ liệu ở các phạm vi khác nhau
- Phương án 3: Xây dựng các dự án phòng đọc trực tuyến hỗ trợ nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn dựa trên phân tích dữ liệu và trực quan hóa kết quả tìm kiếm

4.3. Giải pháp TCKTSDTLLT điện tử đáp ứng yêu cầu phát triển NVS ở Việt Nam

4.3.1. Yêu cầu của các giải pháp TCKTSDTLLT trong bối cảnh phát triển NVS

Xuất phát từ kết quả nhận diện về những điểm khu biệt đó, chúng tôi nghiên cứu đề xuất những yêu cầu cần đảm bảo khi xây dựng và triển khai các giải pháp TCKTSD TLLTĐT: Thực hiện đúng chủ trương và định hướng về TCKTSD TLLT; Xuất phát từ bối cảnh và điều kiện triển khai ở thời điểm hiện tại; Đảm bảo những nguyên tắc TCKTSDTLLT truyền thống.

4.3.2. Nhóm giải pháp chuyên môn

4.3.2.1. Tạo lập cơ sở dữ liệu TLLTĐT

❖ Số hóa TLLT:

Việc số hóa tài liệu cần được thực hiện kèm theo các nhiệm vụ sau: Thực hiện chuẩn dữ liệu đầu vào; Cải thiện độ phân giải; Sử dụng công nghệ nhận diện ký tự quang học OCR (Optical Character Recognition); Xây dựng và quản lý siêu dữ liệu của tài liệu, hồ sơ lưu trữ.

❖ Tích hợp cơ sở dữ liệu TLLT

Tích hợp cơ sở dữ liệu TLLT được tích hợp theo các phạm vi: Tích hợp các CSDL trong phạm vi 1 cơ quan lưu trữ; Tích hợp các CSDL TLLT trong phạm vi toàn bộ hệ thống các cơ quan lưu trữ; Tích hợp và tạo vùng liên kết với hệ thống CSDL của các cơ quan thuộc lĩnh vực khác có liên quan. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về văn thư, lưu trữ và trách nhiệm của các LTLS đối với tích hợp cơ sở dữ liệu TLLT cũng cần được xác định rõ ràng.

4.3.2.2. Quản lý cơ sở dữ liệu TLLTĐT

Hệ thống quản lý TLLT điện tử (Kho Lưu trữ điện tử) là toàn bộ hạ tầng kỹ thuật bảo đảm mọi tài liệu điện tử quản lý, sử dụng và xác nhận độ tin cậy và tính khả dụng. Trong đó, *yêu cầu thiết kế Hệ thống* gồm: Đáp ứng các chức năng hỗ trợ quy trình nghiệp vụ lưu trữ; Bảo đảm độ xác thực của tài liệu và tính khả dụng; Có khả năng liên thông, tích hợp với các hệ thống khác; Bảo đảm phù hợp với Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và kết nối với Hệ thống quản lý văn bản và điều hành trong các cơ quan nhà nước. *Chức năng cơ bản của Hệ thống* phải bao gồm: kết nối và liên thông; an toàn thông tin; Bảo đảm thực hiện đầy đủ các yêu cầu về thống kê, tìm kiếm và sử dụng TLLT; quản lý siêu dữ liệu.

4.3.2.3. Xây dựng các công cụ phân tích và trực quan hóa dữ liệu TLLT

Phân tích dữ liệu dựa trên việc xác định các ngữ cảnh của dữ liệu hay phân lớp các dữ liệu. Sau khi thực hiện phân tích dữ liệu thì nhiệm vụ tiếp theo là phải làm thế nào để hiển thị kết quả, làm trực quan hóa kết quả đó dưới dạng diễn giải dễ hiểu đối với người sử dụng. Về cơ bản, để thực hiện việc phân tích dữ liệu cần phải chuẩn hóa dữ liệu. Ngoài việc đáp ứng về cơ sở dữ liệu để tiến hành tham chiếu, các

kho lưu trữ còn cần phải tập trung vào các phương tiện để tiến hành phân tích.

4.3.2.4. Thiết lập cộng tác đám đông

Với bối cảnh và điều kiện đã được xác định ở trên, chúng tôi đề xuất thiết lập cộng tác đám đông trong giai đoạn trước mắt. Với mỗi hình thức TCKTSD TLLTĐT như triển lãm trực tuyến, triển lãm trực tuyến có sử dụng công nghệ 3D hoặc VR, phòng đọc trực tuyến, phòng đọc trực tuyến có ứng dụng công nghệ phân tích dữ liệu và trực quan hóa dữ liệu, cơ quan lưu trữ có thể tạo lập 1 vùng thuộc công thông tin điện tử để thực hiện cộng tác đám đông. Tuy nhiên, cộng tác đám đông còn bao gồm cả việc huy động sự cộng tác hiến, tặng TLLT đang được lưu trữ trong nhân dân.

Với các giải pháp chuyên môn trên, cần xác định rằng, không phải tất cả các giải pháp đều có thể áp dụng đối với các phương án TCKTSDTLLT trong bối cảnh NVS như đã đề cập ở trên.

4.3.3. Nhóm giải pháp tổ chức quản lý

Liên quan tới khía cạnh tổ chức quản lý, các giải pháp dưới đây được nghiên cứu xây dựng dưới góc độ thực hiện là các LTLS từ Trung ương tới địa phương. Đây là các cơ quan trực tiếp quản lý TLLTĐT đồng thời trực tiếp thực hiện TCKTSD nguồn thông tin này dựa trên các nguồn lực cần thiết.

4.3.3.1. Tham gia vận động chính sách, tham mưu xây dựng chính sách

Việc đề xuất các tổ chức quốc tế về NVS, các Trung tâm NVS tại các quốc gia phát triển tham gia hỗ trợ trong quá trình vận động chính sách là một kinh nghiệm đã từng được thực hiện tại một số quốc gia đang ở giai đoạn sơ khai hình thành NVS. Với tư cách là cơ quan quản lý 1 dạng thông tin có giá trị đặc biệt là TLLT, các LTLS có thể

tích cực vận động chính sách đồng thời nghiên cứu, tham mưu, góp phần xây dựng chính sách về NVS tại Việt Nam.

4.3.3.2. Tham mưu hoàn thiện hệ thống quy định về TCKTSD TLLTĐT

Với những tồn tại và thiếu sót trong hệ thống các quy định hiện nay, chúng tôi đề xuất sửa đổi, bổ sung một số nội dung quan trọng liên quan đến lưu trữ điện tử nói chung và TCKTSD TLLTĐT nói riêng: Tham mưu điều chỉnh các quy định về quản lý TLLTĐT nói chung, tạo tiền đề cho việc TCKTSD TLLTĐT qua việc bổ sung, sửa đổi Luật Lưu trữ và Nghị định số 01/2013/NĐ-CP; Tham mưu xây dựng, ban hành các Thông tư quy định chi tiết các vấn đề về TCKTSD TLLTĐT.

4.3.3.3. Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực

Đối tượng cần đào tạo, bồi dưỡng là cán bộ quản lý các cấp; Công chức, viên chức quản lý, thực hiện nghiệp vụ; Công chức, viên chức phụ trách bộ phận công nghệ thông tin. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng cần được xây dựng đối với hai nhóm đối tượng chính là công chức, viên chức quản lý, thực hiện công tác lưu trữ, TCKTSD TLLT và nhóm công chức, viên chức phụ trách công nghệ thông tin của cơ quan lưu trữ. Điều này hướng tới đào tạo, bồi dưỡng “chéo” về chuyên ngành giữa hai nhóm đối tượng trên.

4.3.3.4. Xây dựng đội ngũ chuyên gia, đào tạo người dùng

Mỗi cán bộ lưu trữ phụ trách TCKTSD TLLTĐT cần giữ vai trò là một chuyên gia thông tin. Nhiệm vụ của họ không còn đơn giản trong việc xử lý thủ tục khai thác cho người dùng và cung cấp thông tin TLLT theo yêu cầu mà dần chuyển sang vai trò làm chủ nguồn tài nguyên thông tin lưu trữ. Vấn đề đào tạo người dùng cũng cần được quan tâm và xây dựng kế hoạch triển khai. Trong đó, đào tạo người dùng

cần chú trọng vào cách thức sử dụng các công cụ của NVS như phân tích dữ liệu, trực quan hóa kết quả dữ liệu tìm kiếm được...

4.3.3.5. Đầu tư kinh phí, đảm bảo hạ tầng công nghệ

Về vấn đề này, chúng tôi đề xuất kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Đề án trong dự toán ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền giao; Huy động tài trợ, viện trợ quốc tế và huy động xã hội, cộng đồng và các nguồn hợp pháp khác (nếu có).

4.3.3.6. Thiết lập hệ thống các bên liên quan

Cần thiết lập hệ thống các bên liên quan nhằm chia sẻ thông tin về các nội dung cần thực hiện trong TCKTSD TLLTĐT và xây dựng dự án NVS; chia sẻ thông tin về nhu cầu của người sử dụng; hỗ trợ kinh phí thực hiện... Các bên liên quan gồm: Các cơ sở đào tạo, các LTLS, các cơ quan quản lý tài liệu, tư liệu, vật thể khác.

4.3.3.7. Đẩy mạnh các hoạt động hợp tác quốc tế

Các cơ quan quản lý nhà nước về văn thư, lưu trữ và các LTLS của Việt Nam cần tìm kiếm, xác định và sẵn sàng hợp tác với các bên thứ ba để có thể thực hiện TCKTSD TLLTĐT, hướng đến xây dựng các dự án NVS. Các đối tác nước ngoài có thể là các Lưu trữ quốc gia, các tổ chức quản lý tư liệu, tài liệu và các tổ chức NVS trên thế giới. Nội dung hợp tác quốc tế là chia sẻ tư liệu, tài liệu; tích hợp cơ sở dữ liệu trong một phạm vi nhất định (cơ sở dữ liệu dạng thông tin cấp 2); đào tạo, bồi dưỡng nhân lực; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; xây dựng khuôn khổ pháp lý (Điều ước quốc tế), tài trợ kinh phí.

Tiểu kết Chương 4

Trên cơ sở nghiên cứu tổng quan các công trình khoa học, cơ sở lý luận và thực trạng về TCKTSD TLLTĐT trong bối cảnh của sự phát

triển NVS, chúng tôi đã đề xuất hai nhóm giải pháp chuyên môn và giải pháp về mặt tổ chức, quản lý. Về cơ bản, hệ thống các giải pháp đã đảm bảo những vấn đề sau: Phù hợp với chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước; Phù hợp năng lực TCKTSDTLTLĐT của các cơ quan quản lý TLLT; Mở ra những hướng mới trong TCKTSDTLTLĐT trực tuyến nhằm đáp ứng nhu cầu tiếp cận thông tin, chia sẻ thông tin của xã hội.; Xây dựng kèm theo các yêu cầu trong đó đặc biệt nhấn mạnh đến việc đảm bảo các nguyên tắc của việc TCKTSDTLTLT truyền thống.

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh hiện nay, công nghệ thông tin đang trở thành một trong các động lực quan trọng nhất của sự phát triển các lĩnh vực trong đó có ngành lưu trữ nói riêng. Thời gian qua, thực hiện các nội dung quy hoạch, ngành lưu trữ đã và đang ứng dụng và phát huy vai trò của công nghệ thông tin trong việc quản lý cũng như thực hiện các khâu nghiệp vụ của công tác lưu trữ trong đó có số hóa TLLT truyền thống. Thực tiễn cũng cho thấy một khối lượng TLLT tương đối lớn tại các LTLS đã được số hóa. TLLT số hóa sẽ là tiền đề quan trọng nhằm xây dựng các hình thức TCKTSDTLLT mới như triển lãm điện tử, khai thác TLLT trên mạng toàn cầu... Các hình thức TCKTSD mới này sẽ đáp ứng nhu cầu sử dụng tài liệu trong thời kỳ hiện đại khi mà phương thức tiếp cận thông tin của con người đang có sự thay đổi lớn. Xuất phát từ xu hướng phát triển của ngành lưu trữ theo lộ trình phát triển của công nghệ thông tin, công cuộc chuyển đổi số của quốc gia và sự thay đổi trong cách thức tiếp cận thông tin của xã hội, chúng tôi đã lựa chọn lĩnh vực NVS nhằm góp phần đưa hoạt động TCKTSDTLTLĐT lên một cấp độ phát triển cao hơn.

Thực hiện mục tiêu nghiên cứu này, Luận án đã giải quyết được các vấn đề thuộc phạm vi nghiên cứu, bao gồm:

Một là: Hệ thống hóa và tổng hợp cơ sở lý luận về TCKTSD TLLTĐT và NVS đồng thời chỉ ra những khoảng trống trong nghiên cứu nói chung và những khoảng trống thuộc phạm vi nghiên cứu của Luận án cần được giải quyết.

Hai là: Làm rõ NVS qua việc định nghĩa khái niệm, phân tích ý nghĩa và đặc biệt là khái niệm dự án NVS được sử dụng trong khuôn khổ luận án. Trên cơ sở lý thuyết về NVS, và TCKTSD TLLTĐT, chúng tôi làm rõ và chứng minh mối quan hệ giữa hai lĩnh vực này

thông qua vai trò của TCKTSD TLLTĐT đối với NVS và ý nghĩa của NVS đối với TCKTSD TLLTĐT. Khung lý thuyết về TCKTSD TLLTĐT trong bối cảnh NVS có vai trò quan trọng trong việc nghiên cứu, thể hiện kết quả nghiên cứu về thực trạng và giải pháp TCKTSD TLLTĐT ở những Chương tiếp theo.

Ba là: Dựa trên các kết quả khảo sát, chúng tôi kết luận sơ bộ về ưu điểm, hạn chế của thực tế triển khai hoạt động TCKTSD TLLTĐT theo các nhóm nội dung trên. Đồng thời, một số yếu tố thuộc thực trạng TCKTSDTLLĐT hiện nay đã được nhận diện có liên quan tới NVS. Trên cơ sở nhận diện các yếu tố này, chúng tôi đã phân tích và đưa ra đánh giá về sự đáp ứng của các yếu tố này đối với yêu cầu thực hiện các dự án NVS.

Bốn là: Đề xuất hai nhóm giải pháp chuyên môn và giải pháp về mặt tổ chức, quản lý trong đó nhấn mạnh những yêu cầu cần tuân thủ khi áp dụng các giải pháp. Những yêu cầu này chủ yếu liên quan tới các điểm khu biệt của TLLT so với các loại hình tư liệu, tài liệu khác.

Từ kết quả nghiên cứu cũng như những đóng góp của đề tài về lý luận và thực tiễn, Luận án mở ra các hướng nghiên cứu mới cho ngành Lưu trữ học:

Thứ nhất, nghiên cứu các vấn đề chuyên sâu như bản quyền, an ninh, rủi ro, phát triển dịch vụ người dùng, phân cấp và phân quyền quản lý... đối với TLLT khi được phục vụ khai thác, sử dụng trên mạng diện rộng;

Thứ hai, nghiên cứu xây dựng các dự án NVS áp dụng trong các Lưu trữ. Các dự án này có thể được nghiên cứu ở cấp độ khái quát hoặc cụ thể đối với các khối TLLT theo chủ đề hoặc theo loại hình tài liệu như TLLT nghe – nhìn; TLLT khoa học – công nghệ;

TLLT cá nhân, gia đình, dòng họ; khối TLLT mộc bản; khối TLLT Châu bản (các TLLT có thông tin là ngôn ngữ tượng hình)...

Thứ ba, nghiên cứu TCKTSD TLLTĐT dưới góc độ quản lý vòng đời của TLLTĐT. Cụ thể là các yêu cầu đặt ra với việc quản lý đối tượng TLLTĐT được sản sinh từ giai đoạn văn thư (born-digital) sẽ được thu thập vào LTLS trong tương lai, yêu cầu đối với Hệ thống quản lý TLLTĐT...

Thứ tư, nghiên cứu các vấn đề liên quan đến công nghệ, hạ tầng kỹ thuật gồm hệ thống các trang thiết bị tạo lập và quản lý cơ sở dữ liệu TLLTĐT, máy chủ, máy trạm, liên kết Web, phương pháp nhận diện ký tự quang học... trên cơ sở hợp tác nghiên cứu với các chuyên gia công nghệ thông tin.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Đỗ Thu Hiền (2015), *Những ưu thế của phòng đọc trực tuyến trong tổ chức khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ ở Việt Nam*, Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam (9), tr.16-24
2. Đỗ Thu Hiền (2020), “Lưu trữ số, thư viện số: Nền tảng xây dựng Nhân văn số thức”, *Phát triển mô hình trung tâm tri thức số cho các thư viện ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.422
3. Đỗ Thu Hiền (2022), “Integrating archive database to provide access to digital archives”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế *First International conference on Social science and Humanities Issues*, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn
4. Đỗ Thu Hiền (2022), “Digital humanities projects for providing access to the digital archival documents of Vietnamese history”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế *Archival documents about Vietnam in modern and contemporary history – Values and accessible*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội